Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini test: ……

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together - Vocabulary 2 & Movers Speaking

A. VOCABULARY

❖ **Action verbs**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**carry** (v)	mang, vác	4	**turn around** (phr.v)	xoay người lại
2	**build** (v)	xây, dựng	5	**measure** (v)	đo đạc
3	**wave** (v)	vẫy (tay)	6	**act** (v)	diễn xuất

❖ **Sports words**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**match** (n)	trận đấu	2	**draw** (n)	ván hòa (trận đấu)

❖ **Extra vocabulary**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**practice** (v)	luyện tập, thực hành	3	**cupboard** (n)	tủ (thường để bát, đĩa, đồ dùng)
2	**mistake** (n)	lỗi, sai lầm			

**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. STRUCTURE: (don't/doesn't) like + V-ing *(Thích / Không thích làm gì)*

- Cách dùng: Diễn tả ai đó **thích** hoặc **không thích làm một việc gì** đó.

	Công thức	Ví dụ
Positive *(khẳng định)*	I / You / We / They + **like + V-ing** He / She / It + **likes + V-ing**	- We **like playing** football. *(Chúng tôi **thích chơi** bóng đá.)* - She **likes reading** books. *(Cô ấy **thích đọc** sách.)*
Negative *(phủ định)*	I / You / We / They + **don't like + V-ing** He / She / It + **doesn't like + V-ing**	- I **don't like getting up** early. *(Tôi **không thích dậy** sớm.)* - He **doesn't like swimming**. *(Cậu ấy **không thích bơi**.)*

**Note:* *V-ing = Verb -ing: động từ thêm -ing; don't = do not; doesn't = does not.*

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answers. *(Khoanh tròn đáp án đúng.)*

0. The players shook hands after the football **match** / act / measure.
1. The final score was 2-2, so the game ended in a **wave / match / draw**.
2. He **measured / acted / matched** the length of the table with a ruler.
3. Please **carry / turn around / build** so I can see your face.
4. The audience laughed when he **measured / draw / acted** like a chicken.
5. She **matched / waved / drew** to say goodbye as the train left.

LIVEWORKSHEETS

II. Read and write the correct letter to complete each sentence below.
(Đọc và điền chữ cái tương ứng để hoàn thành các câu.)

A. carrying heavy bags	B. building sandcastles	~~C. waving at people~~
D. turning around quickly	E. measuring things	F. acting in school plays

0.	*My sister is friendly. She likes _____ when she sees our neighbors.*	*C*
1.	We go to the beach, but I don't like _____. It makes my hands dirty.	___
2.	Tom is in the drama club. He likes _____ in front of the whole school.	___
3.	I get dizzy easily, so I don't like _____ when we play games.	___
4.	The students in science class like _____ with rulers and cups.	___
5.	My dad always asks for help because he doesn't like _____ at the supermarket.	___

III. Look at the table and complete the sentences. *(Nhìn bảng và hoàn thành các câu.)*

	playing the piano	reading	swimming	drawing
Jane	✓	X	X	✓
Jim	X	✓	X	✓

0. Jane likes playing the piano.

1. Jim _____ playing the piano.
2. Jane _____ reading.
3. Jim _____ reading.
4. Jane and Jim _____.
5. Jane and Jim _____.

IV. Reorder the words/phrases to complete the sentences. *(Sắp xếp lại các từ/cụm từ để hoàn thành câu.)*

0. my homework / I / doing / now. / am

→ I am doing my homework now.

1. are / They / at the moment. / playing football

→ _____

2. wearing / you / a jacket? / Are

→ _____

3. are / Where / going? / they

→ _____

4. must not / We / for / be / late / class.

→ _____

5. their / Students / wear / school uniform. / must

→ _____

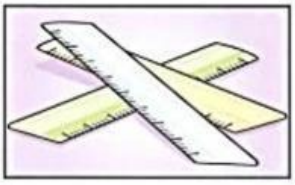
LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE
Các con nghe bài ở link sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-3_part-3

Part 3
– 5 questions –

Where must Jack put these things?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



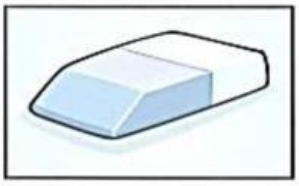
rulers F



a guitar ☐



a photo ☐



a rubber ☐

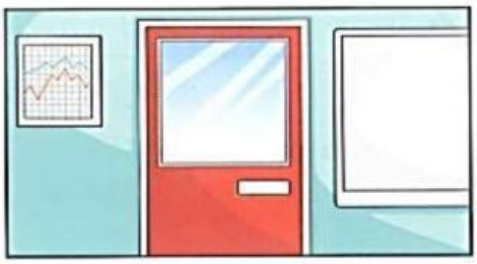


homework ☐

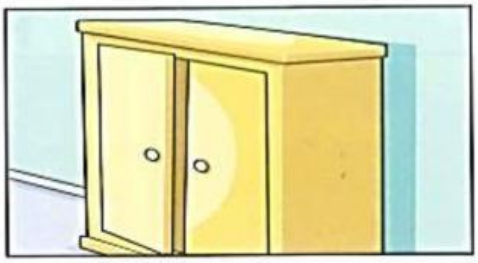


a jacket ☐

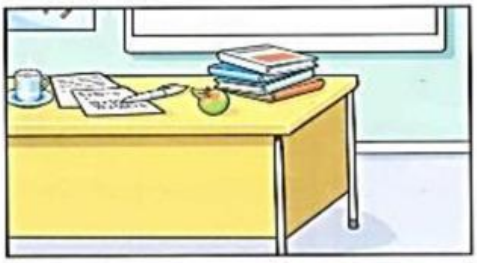
LIVEWORKSHEETS



A



B



C



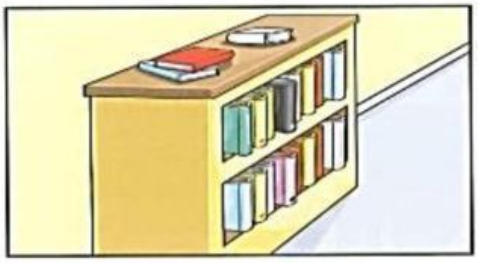
D



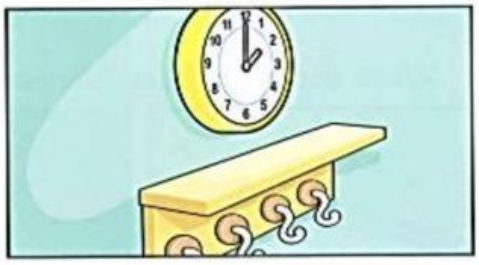
E



F



G



H

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS